



ùi Viên người làng Trình Phố, tổng An Bồi, huyện Trực Định (nay đổi là phủ Kiến Xương), tỉnh Thái Bình⁽¹⁾.

Là dòng dõi một nhà nho nghèo, ông thân sinh ra Bùi Viên làm nghề dạy học. Và học vấn xưa kia vốn là việc mà người ta tôn trọng, nên ông đồ hay chữ này, tuy không đủ ăn, nhưng đã thừa sự kính nể của các sĩ phu trong hạt.

Bùi Viên nhờ đấy mà được học. Năm Giáp Tí (năm Tự Đức thứ mười bảy), ông và em ông là Bùi Phủng cùng đỗ tú tài.

Sau mấy phen lão đảo ở trường ốc, năm Mậu Thìn, nhờ có ân khoa, Bùi Viên mới đỗ cử nhân, nghĩa là bước chậm hơn Bùi Phủng một năm, vì Bùi Phủng đỗ từ năm Đinh Mão (năm Tự Đức thứ hai mươi).

(1) Nay thuộc Tiền Hải, Thái Bình (Các chú thích trong sách theo bản in của Nhà xuất bản Kim Đồng năm 2005).

Ngay năm ấy, Viện và Phủng, nhờ được thân bằng tư giúp, cùng vào Huế, định tranh cờ, biển để trả nợ sách đèn. Nhưng sự thành bại ở trường ốc thường ở ngoài chỗ sở liệu của mọi người. Hai khoa Mậu Thìn và Kỷ Tị, anh em họ Bùi cùng lạc đề⁽¹⁾!

Bùi Phủng bắt đắc chí bỏ về Bắc để phụng dưỡng cha già. Duy còn Bùi Viện vẫn nấn ná ở lại kinh thành.

Cái sự nghiệp phi thường của ông bắt đầu từ đó.

* * *

Ở Huế, Bùi Viện tập văn tại Quốc tử giám. Quan Tế tửu hồi đó là Vũ Duy Thanh tức Vĩnh Xuyên, hoặc cũng gọi là Trạng Bồng. Vì Vũ Duy Thanh là một nhà túc nho, nên được vua Tự Đức rất tin trọng và phê “*Bảng nhãn diệc như Trạng nguyên*”. Cái tên Trạng Bồng của Vũ Duy Thanh gốc tự đó.

Cha Bùi Viện là bạn đồng học với Vũ Duy Thanh nên khi túi đàn cặp sách lên đường, Viện được cha ủy thác cho quan Tế tửu Vĩnh Xuyên và suốt thời kì ở kinh, Viện đều ngụ tại nhà quan Tế tửu. Trong những vị đại thần qua lại nhà Vũ Duy Thanh có Lê Tuấn, người Quảng Bình⁽²⁾, giữ chức Tham tri bộ Lễ, Viện được Vũ Duy Thanh giới thiệu với Lê Tuấn. Trong lúc nói chuyện,

(1) Thi rớt.

(2) Có lẽ tác giả có đôi chút nhầm lẫn. Lê Tuấn sinh năm Đinh Sửu (1817), tại Mỹ Lộ, tổng Hà Trung, huyện Hà Hoa, nay thuộc Kỳ Anh, Hà Tĩnh.

Tuấn thường hỏi về tình hình xứ Bắc Kì. Bùi Viện nhất nhất mang những chỗ thấy, biết của mình ra bẩm nên được Lê Tuấn hết sức tin yêu và hứa sau này có cơ hội sẽ để tâm cất nhắc họ.

Về triều Tự Đức, Bắc Kì là một mối lo lớn của triều đình Huế.

Hồng Tú Toàn bị Tăng Quốc Phiên đánh thua. Những dư đảng của Thái Bình thiên quốc⁽¹⁾ một phần tràn sang xứ Bắc Kì. Tay kiệt hiệt hơn cả là Ngô Côn, dưới quyền có những danh tướng như Hoàng Sùng Anh, Lưu Vĩnh Phúc. Triều đình nhờ tài Ông Ích Khiêm trừ được Ngô Côn. Nhưng sự tranh giành nhau quân quyền đã chia rẽ Lưu Vĩnh Phúc và Hoàng Sùng Anh. Lưu (Cờ Đen) chiếm cứ miền Hưng Hóa; Hoàng (Cờ Vàng) hoành hành ở Tuyên Quang. Hai người lập thế chống nhau, gây cho dân quê Việt Nam một cái ách thật lớn, nó còn nguy hiểm hơn Ngô Côn khi trước.

Ngoài bể thì giặc Tàu Ô vùng vẫy. Trong hải phận xứ Bắc Kì có mấy tay cừ khôi hơn cả là Áng Cống Sinh, Bằng Nha Hồng. Thủ đoạn của chúng là cướp của, giết người và bắt đàn bà, con trẻ để lấy tiền chuộc.

Những tay vong mệnh trong nước cũng nhân lúc rối loạn mà nổi lên. Quân Thỏa, quân Uy, quân Cáo và nhất là quân Tế đã gây sự khủng bố giữa cuộc sinh hoạt yên ổn và phẳng lặng của dân quê Việt Nam.

(1) Hồng Tú Toàn là thủ lĩnh phong trào nông dân Thái Bình thiên quốc. Tăng Quốc Phiên là đại thần của triều Thanh.

Quận Tể, chính tên là Quảng Văn Tể, người làng Liên Hà, huyện Cát Bà, tỉnh Quảng Yên.

Tể lấy danh nghĩa tôn phù nhà Lê mà khởi binh. Quan địa phương đánh mãi không nổi, phải tâu về cáo cấp triều đình. Vua Tự Đức sai Lê Hữu Thường làm Đồng lí quân vụ và Văn Đình Khuê làm Tham tán ra dẹp quận Tể.

Hồi đó, Nguyễn Tri Phương đương làm Kinh lược Bắc Kì. Theo lẽ, Thường và Khuê đến yết kiến Nguyễn Tri Phương.

Phương thấy hai người đều là quan văn cả, thất vọng nói:

– Các ông toàn là khoa bảng xuất thân, đánh sao nổi quận Tể là một tay trí dũng có thừa, chung quy rồi lại cũng chỉ đến thua chạy và làm tăng thanh thế cho giặc.

Thường và Khuê đều là những bậc đại khoa. Trái lại, Nguyễn Tri Phương xuất thân là một tiểu lại. Hai người lấy làm nhục về những câu nói khinh miệt mình nên ước với nhau là liều mạng cố đánh, chỉ có chết chứ không có thoái.

Trận đó, quả nhiên Lê Hữu Thường thân đứng thúc trống giục quân và Văn Đình Khuê xông vào trận giặc, nên cả hai cùng chết trận và triều đình thua to.

Giữa cái tình thế nguy ngập đó, triều đình cử Lê Tuấn ra làm Thị sư đốc quân ở Bắc Kì.

Lê Tuấn là người Trung Kì, không hiểu gì hết về tình hình ở biên cảnh, cố nhiên phải tìm một người thông thạo để chỉ dẫn cho mình.

Người đó là Bùi Viện.

Tạm biệt lớp không khí yên lặng và u uất của sông Hương, Bùi Viện đồng thời từ giã cả ngọn bút mà cất lấy lưỡi gươm, một cái lợi khí thứ hai nó đã giúp ông cứu họ Bùi leo lên chiếc thang võng lọng.

Thoạt đầu, Lê Tuấn giao cho Bùi Viện việc tế tiếp quân lương. Việc này không phải dễ. Vì nhà nước, luôn mấy năm đương đầu với giặc, quân lương luôn luôn phải cung ứng, chẳng bao lâu kho tàng đã sạch trơn.

Bùi Viện ở vào một tình thế rất khó khăn. Tuy vậy, ông vẫn khéo thu xếp, làm cho việc đến thành công. Lê Tuấn nhờ vậy không phải lo gì về lương thực nữa, được chuyên tâm mà dẹp giặc.

Thấy Bùi Viện là người đắc lực, Lê Tuấn liền giao cho ông việc do thám nội tình của địch quân.

Trong một thời gian rất ngắn, Bùi Viện đã trút bỏ cái tính cách nhà nho mà xông pha tên đạn và chẳng từ một việc gì nguy hiểm không làm.

Viện dùng lời nói khôn khéo dụ dỗ những vây cánh của giặc, rồi lại dùng ngay bọn ấy làm nội công. Bọn quân Uy và quân Cáo bị trong đánh ra, ngoài đánh vào, đều tan vỡ cả.

Không bao lâu, Bùi Viện đã được theo Lê Tuấn vác ngọn cờ chiến thắng mà trở về Phú Xuân.



rao trả triều đình lá cờ chiến thắng, Bùi Viện đương có hi vọng được hưởng cái thú ngâm hoa vịnh nguyệt trên dòng nước yên bình của sông Hương thì lại tiếp được thư của Doãn Uẩn gọi ra Bắc Hà.

Doãn Uẩn là một trong những danh thần về triều Tự Đức.

Hồi đó Doãn tướng công giữ chức Nam Định doanh điền sứ chuyên việc mở mang và khai khẩn ruộng đất để tăng trình độ sinh hoạt cho dân, như Nguyễn Công Trứ khi xưa. Những việc quan trọng mà triều đình giao cho Doãn Uẩn là sáng lập cửa bể Hải Phòng, chỗ mà người đương thời gọi bằng một cái tên rất tầm thường là bến Ninh Hải.

Bến Ninh Hải là một thôn nhỏ thuộc địa phận tỉnh Hải Dương, gần với cửa Cấm.

Cho mãi đến đời Tự Đức, người Việt Nam tuy nhiên không ai để ý đến cái địa điểm nhỏ mọn này.